

Huyện (Quận, TX, TP):
Tỉnh(TP).....

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ ĐẤT
(Áp dụng đối với đất nông nghiệp:)⁽¹⁾

ĐVT: 1.000 đồng/m²

Nội dung	Loại xã (ĐB, TD, MN)	Giá đất điều tra				Giá đất trong bảng giá đất hiện hành	Giá đất đề xuất	So sánh %	
		Tổng số phiếu	Cao nhất	Phổ biến ⁽²⁾	Thấp nhất			(5)/(7)	(8)/(7)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1. Xã (P, TT):									
- Vị trí 1									
- Vị trí 2									
-									
2. Xã (P, TT):									
- Vị trí 1									
- Vị trí 2									
-									
3. Xã (P, TT):									
- Vị trí 1									
- Vị trí 2									
-									

Xác nhận của Phòng TN&MT
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Xác nhận của Tổ chức tư vấn xác định giá đất
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người lập biểu
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- ⁽¹⁾ **Áp dụng để tổng hợp giá đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản và đất làm muối.**
- ⁽²⁾ **Giá đất phổ biến trên thị trường của từng vị trí đất xác định theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 7 của Thông tư này.**